

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS)

Tên sản phẩm: MAGIE MẢNH (MAGNESIUM CHIPS/FLAKES)

MỤC 1: NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên hóa chất:** Magie (dạng mảnh, phoi, chips)
- Công thức hóa học:** Mg
- Mã CAS:** 7439-95-4
- Tên khác:** Kim loại magie, Magie phoi, Magie vụn
- Sử dụng đã định:** Dùng trong phòng thí nghiệm, sản xuất hợp kim, pin, pháo hoa, nghiên cứu hóa học
- Thông tin nhà cung cấp tại Việt Nam:**

Tên công ty: Công ty TNHH MTV Đức Mai Khôi
Mã số thuế: 0314051291
Địa chỉ: 702/67/9 Lê Đức Thọ, Phường An Hội Đông, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại khẩn cấp:** 0909.907.861 (Giờ hành chính)

MỤC 2: NHẬN DẠNG MỐI NGUY HẠI

- Phân loại theo GHS:**
 - GHS02: Dễ cháy
 - GHS09: Nguy hại môi trường
- Từ cảnh báo:** NGUY HIỂM
- Câu cảnh báo nguy hiểm:**
 - H228: Chất rắn dễ cháy
 - H410: Rất độc với sinh vật thủy sinh, ảnh hưởng lâu dài
- Câu phòng ngừa:**
 - P210: Tránh xa nguồn nhiệt, tia lửa, lửa trần
 - P273: Tránh thải ra môi trường
 - P370+P378: Dập cháy bằng bột khô chuyên dụng hoặc cát

MỤC 3: THÀNH PHẦN / THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

- Tên thành phần:** Magie kim loại
- Mã CAS:** 7439-95-4
- Tỷ lệ:** >95%
- Phân loại:** H228, H410

MỤC 4: BIỆN PHÁP SƠ CẤP

- Hít phải bụi:** Chuyển đến nơi thoáng khí
- Tiếp xúc da:** Rửa sạch với xà phòng nếu kích ứng nhẹ
- Tiếp xúc mắt:** Rửa bằng nước trong 15 phút nếu bị bụi kim loại
- Nuốt phải:** Không nên gây nôn, tham khảo bác sĩ

MỤC 5: BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

- Rất dễ cháy nếu đốt hoặc mài nhỏ**
- Không dùng nước, CO₂ để dập lửa Magie!**
- Phương tiện phù hợp:** Bột khô, cát, NaCl hoặc bột chữa cháy chuyên dụng cho kim loại
- Khí phát sinh:** MgO (magie oxit) – không độc nhưng tạo khói trắng dày

MỤC 6: BIỆN PHÁP ỨNG PHÓ SỰ CỐ

- Biện pháp cá nhân:** Tránh tạo bụi, loại bỏ nguồn đánh lửa
- Biện pháp môi trường:** Tránh để rơi vào sông hồ, cống thoát nước
- Xử lý tràn đổ:** Quét cẩn thận, thu gom vào thùng kim loại, tránh tạo ma sát

MỤC 7: SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN

- Sử dụng:** Trong phòng thí nghiệm hoặc nơi thông gió tốt, tránh tia lửa
- Bảo quản:** Bình kín, nơi khô ráo, tránh ánh sáng và không khí ẩm

- **Không tương thích:** Chất oxy hóa mạnh, nước, axit

MỤC 8: KIỂM SOÁT PHOI NHIỄM / BẢO VỆ CÁ NHÂN

- **Giới hạn tiếp xúc (ACGIH):** 10 mg/m³ (bụi tổng)
- **Bảo hộ cá nhân:**
 - Hô hấp: Mặt nạ lọc bụi
 - Mắt: Kính bảo hộ
 - Tay: Găng tay chống cơ học
 - Da: Quần áo dài tay, phòng cháy

MỤC 9: TÍNH CHẤT LÝ HÓA

- **Trạng thái:** Rắn, dạng mảnh hoặc chips
- **Màu sắc:** Xám bạc ánh kim
- **Mùi:** Không mùi
- **Nhiệt độ nóng chảy:** 650°C
- **Nhiệt độ bốc cháy:** ~473°C
- **Nhiệt độ bốc hơi:** 1090°C
- **Tính tan:** Không tan trong nước
- **Tính chất khác:** Phản ứng chậm với nước tạo khí H₂

MỤC 10: TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG

- **Ổn định trong điều kiện khô, mát**
- **Tránh tiếp xúc với:** Nước, axit, chất oxy hóa mạnh
- **Phản ứng nguy hiểm:** Sinh khí hydro dễ cháy nếu tiếp xúc nước

MỤC 11: THÔNG TIN ĐỘC TÍNH

- **LD50 (chuột):** Không xác định rõ, độc tính thấp
- **Tác động:** Bụi có thể gây kích ứng cơ học đường hô hấp và mắt

MỤC 12: THÔNG TIN SINH THÁI

- **Độc tính thủy sinh:** Có thể gây ảnh hưởng sinh vật nước ngọt nếu tích lũy lớn
- **Không phân hủy sinh học**
- **Khả năng tích lũy:** Không đáng kể

MỤC 13: BIỆN PHÁP XỬ LÝ

- **Không xả thải ra cống, sông hồ**
- **Có thể tái chế hoặc thu gom như chất thải kim loại nguy hại**
- **Không dùng nước để xử lý phoi mảnh bị tràn**

MỤC 14: THÔNG TIN VẬN CHUYỂN

- **UN Number:** UN 1418
- **Tên vận chuyển:** MAGNESIUM
- **Nhóm nguy hiểm:** 4.1 (Chất rắn dễ cháy)
- **Nhóm đóng gói:** II

MỤC 15: THÔNG TIN QUY ĐỊNH

- **Tuân thủ:** Thông tư 04/2012/TT-BCT; GHS
- **Phải khai báo khi nhập khẩu hoặc vận chuyển công nghiệp**
- **Không thuộc danh mục cấm, nhưng phải kiểm soát nguy cơ cháy**

MỤC 16: THÔNG TIN KHÁC

- **Ngày biên soạn:** 04/07/2025
- **Nguồn tham khảo:** GHS, PubChem, OSHA, REACH
- **Lưu ý:** Magie dạng mảnh có thể phát cháy nếu bị đốt nóng hoặc mài, chỉ sử dụng bởi người có chuyên môn

- **Ghi chú:**

- Thông tin trên dựa trên dữ liệu hiện có và chỉ dùng cho mục đích tham khảo an toàn, không thay thế tư vấn y tế hoặc pháp lý
- Không sử dụng cho mục đích y tế hoặc thực phẩm. Chỉ dành cho mục đích nghiên cứu hoặc sản xuất có kiểm soát
- Chỉ dùng cho mục đích thí nghiệm / kỹ thuật. Không dùng trực tiếp cho người nếu không có kiểm định y tế